



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2023

Đà Nẵng, tháng 04 năm 2023

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.344.556.533.500	1.511.336.312.147
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.701.485.050	8.786.175.645
1 . Tiền	111		17.701.485.050	8.786.175.645
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	175.000.000.000	139.255.000.000
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		175.000.000.000	139.255.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		497.992.914.906	437.052.433.464
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	446.087.109.702	424.020.470.624
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		49.754.984.500	13.220.799.907
3 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.342.860.000	2.751.260.000
4 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	4.641.704.740	3.910.030.184
5 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.833.744.036)	(6.850.127.251)
IV. Hàng tồn kho	140		597.532.815.853	886.143.761.390
1 . Hàng tồn kho	141	V.5	610.837.254.425	925.306.121.709
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(13.304.438.572)	(39.162.360.319)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		56.329.317.691	40.098.941.648
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	8.477.680.707	7.633.797.428
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	47.847.371.280	32.460.878.516
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	4.265.704	4.265.704

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		659.762.804.931	678.322.297.194
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.065.746.545	10.651.446.545
1 . Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	7.028.580.000	7.614.280.000
2 . Phải thu dài hạn khác	216	V.4	3.037.166.545	3.037.166.545
II. Tài sản cố định	220		512.502.304.854	512.476.990.033
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	510.172.800.505	509.951.295.545
- Nguyên giá	222		1.648.731.712.851	1.623.214.213.107
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.138.558.912.346)	(1.113.262.917.562)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.329.504.349	2.525.694.488
- Nguyên giá	228		11.676.989.026	11.676.989.026
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(9.347.484.677)	(9.151.294.538)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		88.500.000	13.816.482.196
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	88.500.000	13.816.482.196
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	100.690.398.859	100.690.398.859
1 . Đầu tư vào công ty con	251		92.748.900.000	92.748.900.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.428.000.000	10.428.000.000
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.755.702.000	7.755.702.000
4 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(10.242.203.141)	(10.242.203.141)
VI Tài sản dài hạn khác	260		36.415.854.673	40.686.979.561
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	34.017.889.943	33.959.332.420
2 . Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.397.964.730	6.727.647.141
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.004.319.338.431	2.189.658.609.341

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

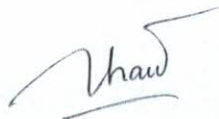
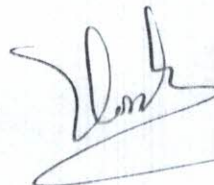
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2023)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2023)
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.152.166.126.574	1.381.159.621.572
I. Nợ ngắn hạn	310		931.407.225.400	1.159.019.568.689
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	168.166.302.547	241.848.782.362
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.628.968.404	12.756.263.023
3 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.11	10.569.320.811	33.136.697.089
4 . Phải trả người lao động	314		245.167.169.833	292.945.253.366
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	7.257.063.167	4.776.210.165
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		935.196.362	-
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	19.890.296.413	23.257.867.214
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	394.168.344.887	483.155.694.128
9 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	59.624.562.976	67.142.801.342
II. Nợ dài hạn	330		220.758.901.174	222.140.052.883
1 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		4.165.250.008	4.882.461.916
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	216.593.651.166	217.257.590.967
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		852.153.211.857	808.498.987.769
I. Vốn chủ sở hữu	410		852.153.211.857	808.498.987.769
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	300.030.750.000	300.030.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.030.750.000	300.030.750.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		172.150.529.403	172.150.529.403
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		379.971.932.454	336.317.708.366
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		336.317.708.366	75.083.456.676
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		43.654.224.088	261.234.251.690
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.004.319.338.431	2.189.658.609.341

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Phạm Anh Thảo

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.203.846.972.471	1.227.879.882.781	1.203.846.972.471	1.227.879.882.781
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.981.164.312	61.180.824	1.981.164.312	61.180.824
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.201.865.808.159	1.227.818.701.957	1.201.865.808.159	1.227.818.701.957
4. Giá vốn hàng bán	11		1.102.834.319.769	1.108.655.954.238	1.102.834.319.769	1.108.655.954.238
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		99.031.488.390	119.162.747.719	99.031.488.390	119.162.747.719
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	16.055.820.814	13.958.401.643	16.055.820.814	13.958.401.643
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	12.086.152.787	8.156.622.818	12.086.152.787	8.156.622.818
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.305.776.341	3.196.600.721	7.305.776.341	3.196.600.721
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	16.498.998.817	23.411.471.773	16.498.998.817	23.411.471.773
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	30.473.487.149	31.761.422.478	30.473.487.149	31.761.422.478
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		56.028.670.451	69.791.632.293	56.028.670.451	69.791.632.293
11. Thu nhập khác	31	VI.6	969.423.543	1.349.940.805	969.423.543	1.349.940.805
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.603.372.691	618.343.521	4.603.372.691	618.343.521
13. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32 + 33)	40		(3.633.949.148)	731.597.284	(3.633.949.148)	731.597.284
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.394.721.303	70.523.229.577	52.394.721.303	70.523.229.577
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.410.814.804	13.170.974.444	4.410.814.804	13.170.974.444
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		4.329.682.411	-	4.329.682.411	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		43.654.224.088	57.352.255.133	43.654.224.088	57.352.255.133

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 04 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.394.721.303	70.523.229.577
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		26.034.571.287	25.998.456.981
- Các khoản dự phòng	03		(27.874.304.962)	(72.944.024)
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		214.061.222	1.930.793.786
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(997.728.798)	(825.580.206)
- Chi phí lãi vay	06		7.305.776.341	3.196.600.721
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động (08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 + 07)	08		57.077.096.393	100.750.556.835
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(77.679.607.137)	(26.448.023.721)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		314.468.867.284	254.672.168.538
- Tăng, giảm các khoản phải trả(không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(95.556.042.539)	(182.411.878.540)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(902.440.802)	(4.928.233.657)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.568.680.725)	(3.453.213.602)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29.548.865.542)	(8.915.496.566)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		21.639.419	26.814.915
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.539.877.785)	(8.789.707.106)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		152.772.088.566	120.502.987.096

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Kỳ tài chính từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.690.480.326)	(42.824.951.605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		13.636.364	302.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.000.000.000)	(110.982.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.249.100.000	13.214.500.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		984.092.434	523.580.206
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(56.443.651.528)	(139.766.871.399)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		849.083.819.345	987.876.841.568
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(936.496.446.978)	(1.001.696.774.527)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(500.000)	(5.860.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(87.413.127.633)	(13.825.793.459)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		8.915.309.405	(33.089.677.762)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.786.175.645	36.498.496.869
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	17.701.485.050	3.408.819.107

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tường Long

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 04 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hải

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số liệu báo cáo tài chính riêng được trình bày trên đây đã được tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc toàn Tổng công ty, bao gồm:

- Nhà máy may Hòa Thọ 1
- Nhà máy may Hòa Thọ Veston
- Công ty may Hòa Thọ Điện Bàn
- Công ty may Hòa Thọ Đông Hà
- Nhà máy may Hòa Thọ Quảng Ngãi
- Nhà máy may Hòa Thọ Triệu Phong
- Nhà máy may Quế Sơn
- Trung tâm Kinh doanh Thời trang Hòa Thọ
- Trung Tâm Thương Mại Hòa Thọ.
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2
- Văn Phòng Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán:

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VNĐ”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày đầu tư, được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiêu ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc bao gồm tất cả chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính chi cho việc tiêu thụ chúng. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định

Khấu hao được tính theo phương pháp thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, và phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:

* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chi có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

9. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
 - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
 - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
 - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân đối kế toán:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	<u>31/03/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền mặt tại quỹ	100.021.380	83.888.000
_ VND	100.021.380	83.888.000
Tiền gửi ngân hàng	17.601.463.670	8.702.287.645
_ VND	3.712.319.500	7.373.841.707
_ USD	13.889.144.170	1.328.445.938
Cộng	<u>17.701.485.050</u>	<u>8.786.175.645</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính:

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	<u>31/03/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>- Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	175.000.000.000	175.000.000.000	139.255.000.000	139.255.000.000
Cộng	<u>175.000.000.000</u>	<u>175.000.000.000</u>	<u>139.255.000.000</u>	<u>139.255.000.000</u>

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/03/2023			01/01/2023		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
* Đầu tư vào công ty con						
Công ty CP Thời trang – Hòa thọ	442.088	2.667.900.000	-	442.088	2.667.900.000	-
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	541.800	5.418.000.000	-	541.800	5.418.000.000	-
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	817.300	8.173.000.000	-	817.300	8.173.000.000	-
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình	7.449.000	74.490.000.000	-	7.449.000	74.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-
Cộng		92.748.900.000	-		92.748.900.000	-
* Đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết						
Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh	400.000	4.000.000.000	(3.436.524.490)	400.000	4.000.000.000	(3.436.524.490)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	642.800	6.428.000.000	-	642.800	6.428.000.000	-
Cộng		10.428.000.000	(3.436.524.490)		10.428.000.000	(3.436.524.490)
* Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần Bông Miền Trung	65.000	855.702.000	(505.678.651)	65.000	855.702.000	(505.678.651)
Công ty CP bao bì Hòa thọ Quảng Đà	60.000	600.000.000	-	60.000	600.000.000	-
Công ty CP Thương mại Dệt may TP HCM	630.000	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	6.300.000.000	(6.300.000.000)
Cộng		7.755.702.000	(6.805.678.651)		7.755.702.000	(6.805.678.651)

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</u>	<u>Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022</u>
Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	862.055.638	640.465.451
Mua hàng hóa và dịch vụ	227.776.651	218.583.226
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An		
Bán hàng hóa và dịch vụ	411.107.866	273.070.946
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.704.048.816	14.775.177.639
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên		
Bán hàng hóa và dịch vụ	184.641.555	69.733.688
Mua hàng hóa và dịch vụ	14.022.931.316	15.473.574.873
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	68.913.736	1.768.539
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.923.900.062	853.706.645
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình		
Bán hàng hóa và dịch vụ	15.644.116.353	6.071.669.729
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	-
Tập Đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	584.550.910	517.519.654
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.265.717.898	37.477.630.955
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam		
Bán hàng hóa và dịch vụ	99.732.063	248.790.745
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.250.977.746	30.579.277.726
Cty CP may Hòa Thọ Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	317.013.225	260.631.870
Mua hàng hóa và dịch vụ	27.100.074.698	25.005.012.861

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:

a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	105.796.381.047	139.903.797.596
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	126.969.161.152	91.560.398.308
<i>DESTINATION XL GROUP INC</i>	44.830.012.807	33.862.218.381
<i>Các khách hàng khác</i>	168.491.554.696	158.694.056.339
Tổng cộng	446.087.109.702	424.020.470.624

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

	31/03/2023	01/01/2023
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	72.067.630	159.181.030
<i>Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ</i>	1.713.928.126	967.686.893
<i>Công ty Cp Sợi Hòa Thọ Thăng Bình</i>	6.288.059.082	-
Tổng cộng	8.074.054.838	1.126.867.923

4. Các khoản phải thu:

a, Phải thu ngắn hạn khác:

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	742.631.038		1.001.992.550	
Ký cược, ký quỹ	104.481.000		104.481.000	
Phải thu khác	3.794.592.702		2.803.556.634	
Cộng	4.641.704.740	-	3.910.030.184	-

b, Phải thu dài hạn khác:

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Kí quỹ bảo đảm đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Nhà Máy May Triệu Phong" - Giai đoạn 2	2.450.000.000	-	2.450.000.000	-
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	587.166.545	-	587.166.545	-
Cộng	3.037.166.545	-	3.037.166.545	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

c, Phải thu về cho vay ngắn hạn:

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	2.342.860.000	-	2.342.860.000	-
- Các bên khác	-	-	408.400.000	-
Cộng	2.342.860.000	-	2.751.260.000	-

d, Phải thu về cho vay dài hạn:

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	7.028.580.000	-	7.028.580.000	-
- Các bên khác	-	-	585.700.000	-
Cộng	7.028.580.000	-	7.614.280.000	-

5. Hàng tồn kho:

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	52.541.559.276	(3.003.582.802)
Nguyên vật liệu	186.543.811.495	(9.835.274.878)	268.221.295.749	(27.329.065.941)
Công cụ dụng cụ	483.076.012	-	503.052.362	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	395.581.533.615	(2.154.548.770)	409.137.240.148	(3.305.586.963)
Thành phẩm	18.624.413.595	(1.308.021.871)	30.869.501.745	(5.515.052.190)
Hàng hóa	3.971.386.884	(6.593.053)	4.996.418.735	(9.072.423)
Hàng gửi đi bán	5.633.032.824	-	159.037.053.694	-
Cộng	610.837.254.425	(13.304.438.572)	925.306.121.709	(39.162.360.319)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chỉ tiêu	Nhóm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ								
Số dư tại ngày 01/01/2023		397.526.170.195	1.034.001.268.465	82.131.066.923	8.435.544.924	706.128.363	100.414.034.237	1.623.214.213.107
Số Tăng trong kỳ		(1.757.240.556)	27.083.975.847	733.150.817	-	-	-	26.059.886.108
- Mua sắm mới		208.871.635	2.979.423.600	715.841.000				3.904.136.235
- Đầu tư XDCB hoàn thành		72.583.516	22.065.856.540	17.309.817				22.155.749.873
- Phân loại lại tài sản		(2.038.695.707)	2.038.695.707					-
Số Giảm trong kỳ		-	-	542.386.364	-	-	-	542.386.364
- Thanh lý, nhượng bán				542.386.364				542.386.364
Số dư tại ngày 31/03/2023		395.768.929.639	1.061.085.244.312	82.321.831.376	8.435.544.924	706.128.363	100.414.034.237	1.648.731.712.851
Giá trị đã hao mòn								
Số dư tại ngày 01/01/2023		171.384.941.664	805.128.895.786	44.318.069.719	6.733.159.067	259.850.159	85.438.001.167	1.113.262.917.562
Số khấu hao tăng trong kỳ		3.176.341.531	18.910.084.341	2.023.528.521	162.605.777	25.222.334	1.540.598.644	25.838.381.148
- Tăng do khấu hao trong kỳ		5.215.037.238	16.871.388.634	2.023.528.521	162.605.777	25.222.334	1.540.598.644	25.838.381.148
- Phân loại lại tài sản		(2.038.695.707)	2.038.695.707					-
Số khấu hao giảm trong kỳ		-	-	542.386.364	-	-	-	542.386.364
- Thanh lý, nhượng bán				542.386.364				542.386.364
Số dư tại ngày 31/03/2023		174.561.283.195	824.038.980.127	45.799.211.876	6.895.764.844	285.072.493	86.978.599.811	1.138.558.912.346
Giá trị còn lại								
Số dư tại ngày 01/01/2023		226.141.228.531	228.872.372.679	37.812.997.204	1.702.385.857	446.278.204	14.976.033.070	509.951.295.545
Số dư tại ngày 31/03/2023		221.207.646.444	237.046.264.185	36.522.619.500	1.539.780.080	421.055.870	13.435.434.426	510.172.800.505

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 802.925 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Tài sản cố định vô hình:

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 01/01/2023	11.676.989.026
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/03/2023	11.676.989.026
Khấu hao	
Số dư tại ngày 01/01/2023	9.151.294.538
Tăng trong kỳ	196.190.139
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/03/2023	9.347.484.677
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.525.694.488
Số dư tại ngày 31/03/2023	2.329.504.349

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 7.347 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/03/2023	01/01/2023
+ Đầu tư thiết bị nhà máy sợi	-	13.367.742.196
+ Các công trình khác	88.500.000	448.740.000
Cộng	88.500.000	13.816.482.196

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí trả trước:

	31/03/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	8.477.680.707	7.633.797.428
b. Dài hạn:		
Chi phí trả trước dài hạn là công cụ không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ	34.017.889.943	33.959.332.420
Cộng	42.495.570.650	41.593.129.848

10. Phải trả người bán ngắn hạn:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/03/2023	01/01/2023
<i>HULAFORS GROUP AB</i>	13.954.869.306	41.205.311.087
<i>KWONG LUNG ENTERPRISE CO.,LTD</i>	11.626.074.971	12.736.138.715
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	142.585.358.270	187.907.332.560
Tổng cộng	168.166.302.547	241.848.782.362

*** Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/03/2023	01/01/2023
- Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	8.160.362.748	5.023.685.489
- Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	10.953.183.573	18.462.790.590
- Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	3.744.174.257	4.153.784.843
- Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	1.908.579.522	3.465.355.989
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ	301.372.395	607.009.382
Tổng cộng	25.067.672.495	31.712.626.293

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2023	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	khác	31/03/2023
Các loại thuế khác	4.265.704	-	-	-	-	4.265.704
Cộng	4.265.704	-	-	-	-	4.265.704

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2023	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	khác	31/03/2023
Thuế GTGT hàng nội địa	2.800.507.515	24.653.391.449	(12.541.882.232)	(8.850.670.793)	-	6.061.345.939
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.555.854.366	(4.555.854.366)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	56.980.038	1.122.236.664	(1.179.216.702)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.548.865.542	4.410.814.804	(29.548.865.542)	-	-	4.410.814.804
Thuế thu nhập cá nhân	730.343.994	4.039.635.562	(4.672.819.488)	-	-	97.160.068
Các loại thuế khác	-	182.193.560	(182.193.560)	-	-	-
Cộng	33.136.697.089	38.964.126.405	(52.680.831.890)	(8.850.670.793)	-	10.569.320.811

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2023	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Bù trừ với thuế GTGT phải trả	Khác	31/03/2023
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	32.460.878.516	49.334.837.980	(25.094.525.725)	(8.850.670.793)	(3.148.698)	47.847.371.280

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí phải trả ngắn hạn:

	31/03/2023	01/01/2023
Chi phí trích trước DDP, giám sát, thuê , in, bao bì (VP)	1.059.125.667	1.922.413.784
Chi phí lãi vay	10.897.313	273.801.697
Chi phí thuê đất	3.003.156.834	-
Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)	2.455.624.258	1.816.188.273
Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng, chỉ, thực phẩm, hoa hồng (đơn vị may)	725.813.674	753.306.411
Các chi phí khác	2.445.421	10.500.000
Cộng	7.257.063.167	4.776.210.165

13. Phải trả ngắn hạn khác:

	31/03/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	14.513.571.536	15.063.335.443
Lãi cổ tức phải trả	1.034.194.600	1.034.694.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.342.530.277	7.159.837.171
Cộng	19.890.296.413	23.257.867.214

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	31/03/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Ngân hàng 1	-	7.708.015.300	7.708.015.300	-
+ Ngân hàng 2	32.878.816.437	115.542.276.276	141.280.356.559	58.616.896.720
+ Ngân hàng 3	-	48.915.640.668	48.915.640.668	-
+ Ngân hàng 4	-	-	44.392.085.507	44.392.085.507
+ Ngân hàng 5	347.526.852.532	676.917.887.101	644.573.389.697	315.182.355.128
+ Ngân hàng 6	-	-	48.375.285.693	48.375.285.693
+ Ban liên lạc hưu trí	300.000.000	-	-	300.000.000
Cộng	380.705.668.969	849.083.819.345	935.244.773.424	466.866.623.048

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

b, Vay dài hạn:

	31/03/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	203.803.651.166	-	663.939.801	204.467.590.967
+ Ngân hàng 1	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
+ Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	2.790.000.000	-	-	2.790.000.000
Cộng	216.593.651.166	-	663.939.801	217.257.590.967

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	31/03/2023	Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
+ Các khoản vay dài hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng	13.462.675.918	-	2.826.395.162	16.289.071.080
Cộng	13.462.675.918	-	2.826.395.162	16.289.071.080

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	236.250.000.000	137.428.205.782	207.065.692.866	580.743.898.648
- Tăng vốn trong năm	63.780.750.000	-	(63.780.750.000)	-
- Lãi trong năm	-	-	261.234.251.690	261.234.251.690
- Phân bổ vào các quỹ	-	34.722.323.621	(34.722.323.621)	-
- Cổ tức	-	-	(23.625.000.000)	(23.625.000.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(9.854.162.569)	(9.854.162.569)
Số dư tại ngày 31/12/2022	300.030.750.000	172.150.529.403	336.317.708.366	808.498.987.769
Số dư tại ngày 01/01/2023	300.030.750.000	172.150.529.403	336.317.708.366	808.498.987.769
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
- Lãi trong năm	-	-	43.654.224.088	43.654.224.088
- Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/03/2023	300.030.750.000	172.150.529.403	379.971.932.454	852.153.211.857

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/03/2023	01/01/2023
Vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	185.618.380.000	185.618.380.000
Vốn góp của các đối tượng khác	114.412.370.000	114.412.370.000
Cộng	300.030.750.000	300.030.750.000

	31/03/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.003.075	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.003.075	30.003.075
- Cổ phiếu phổ thông	30.003.075	30.003.075
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2023	67.142.801.342
Trích lập trong năm từ lợi nhuận	-
Tăng khác	21.639.419
Giảm trong kỳ	7.539.877.785
Số dư tại ngày 31/03/2023	59.624.562.976

17. Các yếu tố ngoài bảng cân đối kế toán:

- Ngoại tệ các loại:

	31/03/2023		01/01/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ	Nguyên tệ	Tương đương VNĐ
USD	595.863,93	13.889.144.170	56.756,75	1.328.445.938
EUR	-	-	-	-

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
+ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	1.202.569.791.155	1.226.810.809.742
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	1.277.181.316	1.069.073.039
Cộng	1.203.846.972.471	1.227.879.882.781

b. Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chiết khấu thương mại	1.821.604.478	-
Hàng bán bị trả lại	159.559.834	61.180.824
Cộng	1.981.164.312	61.180.824

2. Giá vốn hàng bán:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công hàng may mặc	1.127.851.015.132	1.108.154.129.152
Giá vốn dịch vụ khác	841.226.384	574.769.110
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(25.857.921.747)	(72.944.024)
Cộng	1.102.834.319.769	1.108.655.954.238

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Doanh thu hoạt động tài chính:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ứng trước	816.092.434	355.580.206
Chiết khấu thanh toán	17.458.758	2.793.504
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.054.269.622	13.432.027.933
Lợi nhuận được chia	168.000.000	168.000.000
Cộng	16.055.820.814	13.958.401.643

4. Chi phí tài chính:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chi phí lãi tiền vay	7.305.776.341	3.196.600.721
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.566.315.224	3.029.228.311
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	214.061.222	1.930.793.786
Cộng	12.086.152.787	8.156.622.818

5. Chi phí bán hàng:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chi phí nhân viên	1.145.790.025	1.057.416.428
Chi phí vật liệu, bao bì	156.724.193	147.851.262
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	26.354.173	22.531.414
Chi phí khấu hao TSCĐ	239.455.651	246.262.018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.466.060.614	18.158.191.932
Chi phí bằng tiền khác	3.464.614.161	3.779.218.719
Cộng	16.498.998.817	23.411.471.773

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chi phí nhân viên quản lý	15.746.430.221	14.722.614.277
Chi phí đồ dùng văn phòng	625.553.670	553.890.236
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.496.010.423	2.367.232.542
Thuế, phí và lệ phí	3.015.521.907	3.289.808.106
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(2.016.383.215)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.939.679.607	4.341.873.046
Chi phí bằng tiền khác	5.666.674.536	6.486.004.271
Cộng	30.473.487.149	31.761.422.478

7. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	13.636.364	302.000.000
Các khoản thu khác	955.787.179	1.047.940.805
Cộng	969.423.543	1.349.940.805

8. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Các khoản chi khác	4.603.372.691	618.343.521
Cộng	4.603.372.691	618.343.521

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 (Tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	572.353.053.558	523.879.635.121
Chi phí nhân công	263.758.533.786	298.531.339.401
Chi phí khấu hao TSCĐ	26.034.571.287	25.998.456.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.369.892.209	155.447.843.019
Cộng	969.516.050.840	1.003.857.274.522

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Phạm Anh Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tường Long



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hải